

NGÂN HÀNG TMCP BƯU ĐIỆN LIÊN VIỆT



TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG FLEXCUBE
PHÂN HỆ BẢO LÃNH

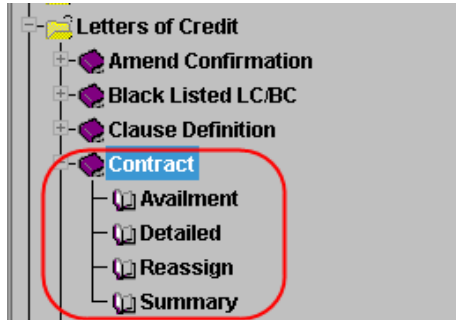


Hà Nội, tháng 08 năm 2011

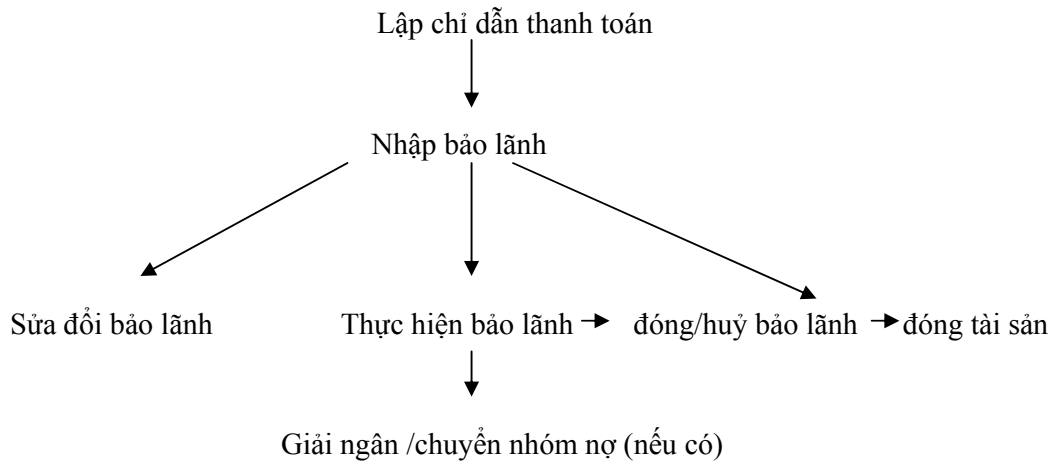
HỆ THỐNG VĂN BẢN

1. Luật tổ chức tín dụng 2010 (Luật số 47/2010/QH12).
2. Quy chế cho vay bảo lãnh đối với khách hàng số 140/2011/QĐ-HĐQT ban hành ngày 05/04/2011.
3. Quy định sản phẩm bảo lãnh thanh toán thuê số 2165B/2008/QĐ-LienVietBank ký ngày 26/11/2008.
4. Quyết định v/v Ban hành biểu phí dịch vụ ngân hàng số 1406/2011/QĐ-LienVietBank ký ngày 14/07/2011.

Hiện tại trên phần mềm CoreBanking, phân hệ Bảo lãnh trong nước (Domestic Guarantee - DG) được sử dụng chung với phân hệ Thư tín dụng (Letter of Credit - L/C). Tuy nhiên, Phân hệ Bảo lãnh sẽ sử dụng ít công cụ hơn.



Quy trình nhập liệu trong phân hệ bảo lãnh:



1. QUẢN LÝ CÁC CHỈ DẪN THANH TOÁN CHO 1 KHÁCH HÀNG:

- Đường dẫn: Application Browser->Settlements->Instructions->Detailed




- Bạn có thể quản lý các chỉ dẫn thanh toán của một khách hàng hoặc một ngân hàng trong màn hình Settlement Instructions Maintenance. Đối với DG, quy định các chỉ dẫn cho một đối tượng ở đây có nghĩa là định nghĩa tài khoản thanh toán và tài khoản ký quỹ của khách hàng để thực hiện các hạch toán trong suốt vòng đời của các hợp đồng bảo lãnh.
- Các thông số này sẽ được mặc định tại cấp độ hợp đồng, tuy nhiên bạn có thể thay đổi mặc định này cho phù hợp với giao dịch mà bạn xử lý.

Bạn có thể duy trì các chỉ dẫn thanh toán cơ bản sau đây cho một sự kết hợp đối tượng (Khách hàng/ngân hàng), phân hệ, tiền tệ, sản phẩm và chi nhánh.

- o **Pay:** mặc định là về ghi **Có** đối với việc hạch toán của khách hàng này.
- o **Receive:** mặc định là về ghi **Nợ** đối với việc hạch toán của khách hàng này.
 Để tạo mới bảo lãnh cho khách hàng đó, trong phần này: Pay cần nhập TK ký quỹ (đầu 1), Receive là TK thanh toán (đầu 4).
- **Counter Party:** Loại đối tác (Counterparty Type) có thể là CIF hoặc BIC phụ thuộc vào việc liệu ngân hàng bạn có mối quan hệ tài khoản với bên mà chỉ dẫn thanh toán đang được duy trì, hay chỉ là quan hệ điện SWIFT. Đối với DG, bạn sẽ phải chọn **CIF** là party type, và chọn CIF ID của khách hàng đó trong trường bên cạnh.

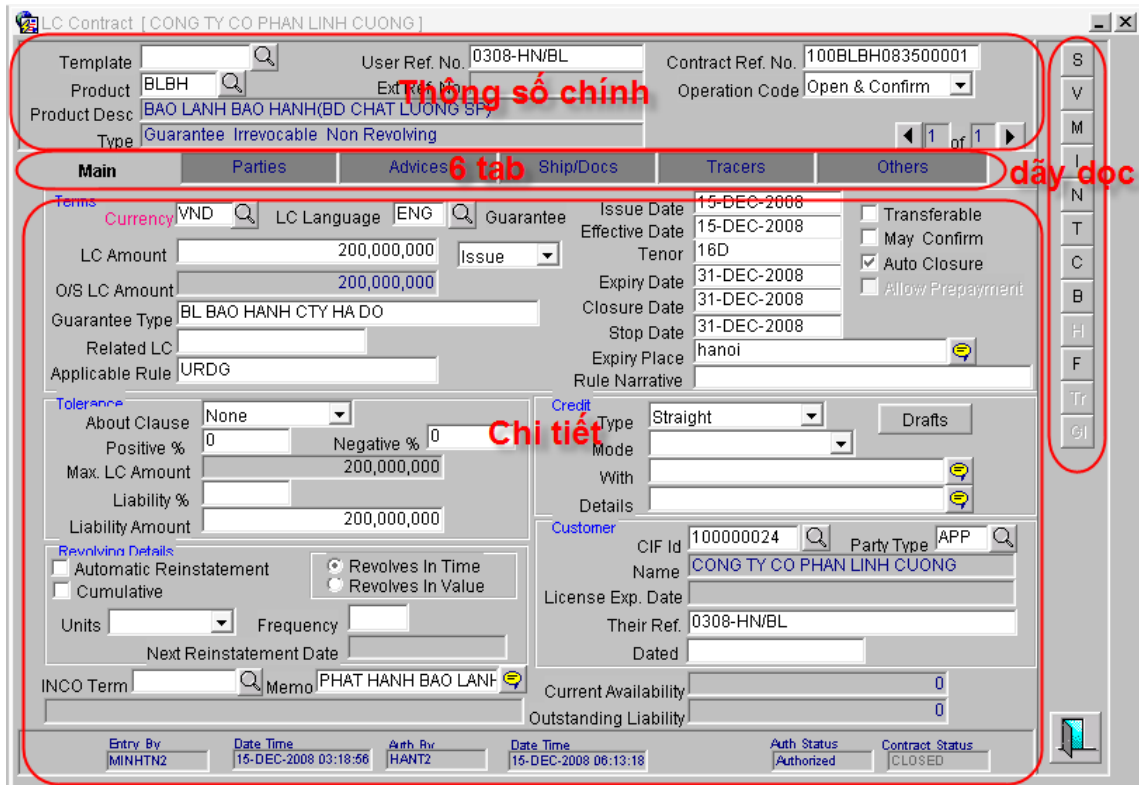
- **Module:** Bạn thực hiện cho module nào. (DG sử dụng module: **LC**)
- **Product:** Bạn có thể duy trì các chỉ dẫn thanh toán khác nhau cho các sản phẩm DG khác nhau. Bạn có thể chọn bất cứ sản phẩm nào sẵn có trong module đó, từ danh sách tùy chọn. Thông thường sẽ chọn **"ALL"** để duy trì các chỉ dẫn thanh toán cho tất cả các sản phẩm thuộc module đã chọn.
- **Currency:** Loại ngoại tệ.
- **Branch:** Bạn chỉ có thể duy trì chỉ dẫn thanh toán cho riêng chi nhánh của bạn hoặc cho tất cả các chi nhánh. (**Nên chi nhánh nào quản lý chi nhánh đó**)
- **Sequence No:** Chỉ dùng nếu Ngân hàng có module Cho vay Đồng tài trợ.
- **Charge Details:** Áp dụng cho phân hệ chuyển tiền
 - o Ourselves: Người ra lệnh chịu phí.
 - o Beneficiary: Người hưởng thụ chịu phí.
 - o Shared: Phí share.
- **Cover Reqd:** Các điện Swift có Cover đi kèm

Nếu khách hàng chưa được duy trì thông số thanh toán cho bảo lãnh, chọn  để tạo mới thông số thanh toán cho khách hàng. Nếu đã có thì kiểm tra để phù hợp với hợp đồng lần này. Hạn chế việc mở quá nhiều chỉ dẫn thanh toán cho 1 khách hàng. **Thông thường KH sẽ có 2 chỉ dẫn thanh toán: 1 đối với tiền tệ là VND, 1 đối với tiền tệ khác (nếu có) phù hợp (USD hoặc EUR...)**

Lưu ý: Việc tạo chỉ dẫn thanh toán cho khách hàng với 1 loại tiền chi cần nhập trước lần nhập bảo lãnh đầu tiên.

2. TẠO HỢP ĐỒNG BẢO LÃNH

- **Đường dẫn:** Application Browser->Letter of Credit->Contract->Detail



- Màn hình hợp đồng chia làm 3 phần: Phần thông số chính và Phần chi tiết với 06 tab hiển thị và một dãy dọc các phím biểu tượng. Các chi tiết của hợp đồng được nhóm vào các màn hình nhỏ theo những đặc điểm chung tương tự của chúng. Phần chi tiết bao gồm 06 Tab, đó là:

Main	Nhập các điều khoản quan trọng của DG.
Parties	Nhập các chi tiết về tất cả các bên liên quan đến DG.
Advices	Trong màn hình tương ứng với Tab này, bạn có thể xem các thông báo (advices) liên quan đến sự kiện được sinh ra cho một hợp đồng và có thể bổ sung nội dung cho những thông báo này .
Ships/ Docs (LC)	Nhập chi tiết các chứng từ được yêu cầu theo LC và các điều khoản đi kèm các chứng từ đó. Ngoài ra, bạn cũng có thể quy định phần mô tả hàng hóa được giao dịch theo LC và chỉ dẫn vận chuyển, giao hàng đi kèm.
Tracers (LC)	Nhập chi tiết về các tra soát (tracers) cần tạo ra cho một LC.
Others (LC)	Nhập các chi tiết cho các điện SWIFT được tạo cho LC.

Các phím trên cột dọc cho phép bạn truy cập một số các tính năng quan trọng khi xử lý một DG. Những phím này được mô tả như sau:

- **Chữ “S” – Settlements:** biểu tượng này để truy cập màn hình Settlement. DG sẽ được thanh toán căn cứ trên những chi tiết mà bạn nhập trong màn hình Settlement.
- **Chữ “V” - Events:** biểu tượng này để xem chi tiết các sự kiện và các bút toán của một hợp đồng DG.
- **Chữ “M” – MIS:** biểu tượng này để định nghĩa các chi tiết MIS cho hợp đồng DG.
- **Chữ “I” - ICCF:** biểu tượng này để tính phí hoa hồng có liên quan cho hợp đồng DG.
- **Chữ “N” – Charge:** biểu tượng này để tính phí có liên quan cho hợp đồng DG.
- **Chữ “T” – Tax:** Biểu tượng này để truy cập phần thuế được tính cho các phí.
- **Chữ “C” – Collateral:** Nhập **Phần ký quỹ** cho hợp đồng DG.
- **Chữ “B” - Linkages:** biểu tượng này để truy cập màn hình liên kết hợp đồng (Contract linkages). QLTD sẽ không nhập nội dung ở phần này.
- **Chữ “F” - UDF:** Trường do Ngân hàng Liên Việt tự định nghĩa thêm.

2.1. Phần thông số chính:

- **Product:** Chọn sản phẩm DG bằng cách đánh trực tiếp mã sản phẩm hoặc click . Các

sản phẩm DG được tạo code gồm 4 ký tự, bắt đầu bằng 2 ký tự “BL”. (Phụ lục 1)

- **Product Desc:** Mô tả chi tiết tên sản phẩm DG.
- **Type:** Loại DG.
- **User Ref No:** Số tham chiếu để nhận biết hợp đồng do người dùng định nghĩa và là duy nhất. Hệ thống tự động sinh ra số User Ref No giống số Contract Ref No, **QLTD sẽ nhập số thư bảo lãnh.**
- **Contract Ref No:** Số tham chiếu hợp đồng giúp nhận dạng một hợp đồng duy nhất. Nó được tự sinh bởi hệ thống cho mỗi hợp đồng. Số tham chiếu bao gồm mã chi nhánh (03 ký tự), mã sản phẩm (04 ký tự), ngày tháng (05 ký tự theo dạng Julian) và số tự tăng trong ngày nhập (04 ký tự). Ngày Julian có khuôn dạng sau: YYDDD. Trong đó, YY là 02 ký tự cuối của năm, và DDD là số ngày đã trôi qua trong năm.
- Ext Ref No: Số tham chiếu của hệ thống ngoài Flexcube. Đây là số Message ID duy nhất được sử dụng để nhận biết một điện đến từ một hệ thống khác (dùng cho L/C).
- **Operation Code:** Mã hoạt động thực hiện DG. Đối với DG chọn “Open”.

2.2. Phần chi tiết:

2.2.1. Main tab

* **Term:** Quy định các điều khoản của DG

Main	Parties	Advices	Ship/Docs	Tracers	Others
Terms					
Currency	VND	LC Language	ENG	Guarantee	
LC Amount	100,000,000	Issue		Issue Date	31-DEC-2009
O/S LC Amount	100,000,000			Effective Date	31-DEC-2009
Guarantee Type	BAO LANH THUC HIEN HOP DONG			Tenor	30D
Related LC				Expiry Date	30-JAN-2010
Applicable Rule	URDG			Closure Date	30-JAN-2010
				Stop Date	30-JAN-2010
				Expiry Place	
				Rule Narrative	
				<input type="checkbox"/> Transferable	
				<input type="checkbox"/> May Confirm	
				<input checked="" type="checkbox"/> Auto Closure	
				<input type="checkbox"/> Allow Prepayment	

- **Currency:** Loại ngoại tệ của hợp đồng DG
- **LC language:** Chọn ngôn ngữ cho hợp đồng DG.
- **LC Amount:** Số tiền thực hiện bảo lãnh DG
- **Guarantee:** Bảo lãnh (Chọn Issue: phát hành)
- **O/S LC Amount:** Số tiền DG chưa thanh toán.
- **Guarantee Type:** Loại bảo lãnh (Copy từ Product Desc ở phần Thông số chính)
- **Related LC:** LC liên quan (LC)
- **Application Rule:** Luật áp dụng
- **Issue Date:** Ngày phát hành DG
- **Effective Date:** Ngày hiệu lực.
- **Tenor:** Nhập kỳ hạn hiệu lực của DG. Tất cả các hợp đồng DG sẽ được kết nối với kỳ hạn

chuẩn là ngày (D). Bạn có thể chọn cách duy trì kỳ hạn khác tùy theo hợp đồng.

- o Ngày (D)
- o Tháng (M)
- o Năm (Y)

- **Expiry Date:** Ngày hết hạn LC= Ngày hiệu lực + Kỳ hạn
- **Closure Date:** Ngày đóng hợp đồng căn cứ trên “số ngày đóng” (Closure days) được duy trì cho sản phẩm gắn với LC đó. Số ngày được quy định là số ngày đóng được tính từ ngày hết hạn LC: Closure Date = Expiry Date + Closure Days. Với DG: Closure Days = 0. Do đó, **Closure Date = Expiry Date.**
- Click vào **Auto closure:** hệ thống sẽ tự động đóng hợp đồng khi đến ngày Closure Date.
- **Stop Date:** Ngày chấm dứt. Ngày chấm dứt là ngày ngừng việc tính hoa hồng (commission computation) (việc tính hoa hồng được qui định trong phần sản phẩm, ngày bắt đầu tính hoa hồng - Start Date được tính từ ngày Issue Date hoặc Effective Date). Thông thường, trong DG ngày chấm dứt sẽ trùng với ngày hết hiệu lực (**Stop Date = Expiry Date**).
- **Expiry Place:** Nơi hết hiệu lực
- **Rule Narrative:** Trường này mặc định từ cấp độ sản phẩm. Giá trị hiển thị ở đây có thể được thay đổi ở cấp độ hợp đồng.
- **Tolerance:** Xác định giới hạn dung sai cho 1 LC (Field 39A-MT700)
- **Credit:** Tín dụng liên quan đến LC

* **Customer:** các thông tin liên quan đến khách hàng

Customer	CIF Id	500000042	Party Type	APP
	Name	CÔNG TY TNHH BẢO TIN		
	License Exp. Date			
	Their Ref.			
	Dated			

- **CIF Id:** Mã khách hàng mà Ngân hàng sẽ trực tiếp quản lý trong DG này.
- **Party Type:** Phân loại đối tượng khách hàng này. Đối với DG có APP (Applicant: người yêu cầu mở) hoặc Ngân hàng của người yêu cầu (APB - Applicants bank – trong trường hợp xác nhận bảo lãnh).
- **Name:** Tên khách hàng (hệ thống tự liên kết từ CIF)
- **License Exp.Date:**
- **Their Ref.:** Số tham chiếu liên quan (nếu có).
- **Dated:** Ngày liên quan đến số tham chiếu

* **INCO Term:** Bạn có thể chọn các điều kiện giao hàng phù hợp cho từng hợp đồng LC đang được xử lý từ picklist.

* **Memo:** ghi chú thông tin trong nội bộ.

* **Current Availability:** Số tiền công nợ hiện tại

* **Outstanding Liability:** Số tiền công nợ chưa thanh toán

2.2.2. **Parties tab:** Xác định các chi tiết của các bên liên quan trong DG

* **Party Details:** Thông tin chi tiết của đối tác

Party Type	CIF Id	Name	Country
APP	500000042	CONG TY TNHH BAO TIN	VN
APB	001000028	SGD NH NGOAI THUONG VN	VN
BEN	100000033	CONG TY CP HOANG GIA	VN

- Party Type: Loại đối tác. Thông thường phải có ít nhất 2 bên: APP (người nộp đơn) và BEN (người thụ hưởng), ngoài ra có thể có thêm: APB (trong xác nhận bảo lãnh), ABK (Advising Bank, trong trường hợp bảo lãnh đối ứng)...
- CIF ID: Mã CIF của đối tác đó. Nếu đối tác không có số CIF tại ngân hàng. Bạn có thể chọn là “**CIF vãng lai**” (Có Customer name là “TAI KHOAN VANG LAI CN ...– Chọn chi nhánh phát hành DG). Sau đó sửa lại tên đối tác bên cột Name.
- Name: Tên khách hàng (có thể sửa).
- Country: Chọn mã nước.

* **Other details:** diễn giải cho từng đối tác.

Other Details

Applicants Bank

Language: VIE Issuer is bank

Their Reference: 01VCB/BL Dated: 31-MAY-2009

Mail: 198 TRAN QUANG KHAI

Address: HOAN KIEM
HA NOI

Other Addresses

Media Type	Address

Account:

- **Their Reference:** Số tham chiếu của khách hàng (nếu có)
- **Dated:** Ngày liên quan đến số tham chiếu.
- Language: ngôn ngữ
- Issuer is bank: Người phát hành là ngân hàng
- Mail: địa chỉ
- Address: Địa chỉ
- Other Address: Địa chỉ khác như phương tiện liên lạc (Media Type) khác như Swift (Telex)
- Account: tài khoản liên quan

* **Credit Lines:** Phần này qui định có theo dõi hạn mức tín dụng của DG hay không. Nếu có sẽ đánh dấu vào phần Limits Tracking Required. Chọn hạn mức cho bên đối tác nào, thường là chọn APP (Muốn thực hiện ở đây, phải tạo Line cho khách hàng trong phần Limits/Facilities. Việc theo dõi hạn mức bao gồm theo dõi cả hạn mức riêng cho bảo lãnh, hạn mức riêng cho cho vay, hạn mức riêng cho LC, hạn mức tổng của cho vay, bảo lãnh và LC...)

Credit Lines
 Limits Tracking Required
 Party Type CIF Id
 Limit Tracking Tenor LC Tenor Max Draft Tenor
 Line

- Limit Tracking Tenor: Phần này qui định có theo dõi hạn mức theo kỳ hạn nào (DG theo dõi theo kỳ hạn của LC - **LC Tenor**).

Trong trường Line, click để chọn đến Line tương ứng. Khi chọn Line ở đây, hệ thống sẽ tính giá trị của toàn bộ bảo lãnh này vào giá trị đã sử dụng của Line đó.

2.2.3. **Advices tab:** Qui định các thông báo cho 1 DG

Code	Party Type	CIF Id	Name	Medium	Priority	Suppress	Chg
GUARANTEE	BEN	0000026	CONG TY TNHH XNK KIM NGAN1	MAIL	Nor...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
LC_CASH_COL_ADV	APP	0000024	CONG TY CO PHAN LINH CUONG	MAIL	Nor...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
PAYMENT_MESSAGE					Nor...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
VAT_ADV					Nor...	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

FFT
 Advice: Party Type:
 Guarantee Reference No:
 FFT Code: Text:

* **Advices:** Một phần quan trọng khi xử lý một DG là việc tạo lập các thông báo cho hợp đồng. Các thông báo được tạo lập cho các sự kiện xảy ra trong suốt vòng đời của một DG, được định nghĩa cho sản phẩm gắn với DG. Tùy thuộc vào loại party nào thì sẽ có một advice cụ thể tương ứng để gửi đến họ. **Trường Medium lưu ý phải chọn là MAIL.**

* **FFT:** Bổ sung phần định dạng tự do đi kèm với 1 advice. Sau khi click chuột vào advice muốn bổ sung định dạng tự do ở phía trên (Advice: GUARANTEE - khi phát hành, GUA_AMD_INSTR – khi chỉnh sửa...), người nhập chọn **FFT Code là Guarantee** và có thể thay đổi nội dung ở phần TEXT để bổ sung thông tin cho phù hợp với DG bạn đang xử lý.

2.2.4. Ship/Docs tab: Xác định các chi tiết hàng hóa, giao hàng và chứng từ cho 1 L/C

2.2.5. Tracers tab: Điện nhắc

Tracers: là các điện nhắc được gửi tới các bên liên quan trong một L/C.

2.2.6. Others tab: Các thông tin khác phục vụ cho L/C

* Other Information: các thông tin trong phần này sẽ được nhậ vào điện MT700 và MT740.

* Charges from Issuing Bank: các thông tin trong phần này sẽ được nhậ vào điện MT730.

* Amendment: số lần sửa L/C, DG sẽ được thể hiện ở phần này

Amendment

Increment Amendment Number

Amendment Number

Amendment Number: Số lần sửa DG (hệ thống sẽ tự sinh cho mỗi lần unlock DG đã được duyệt để sửa các thông tin).

2.3. Các phím dọc.

2.3.1. **Chữ “S” - Settlements:** Qui định chi tiết thanh toán cho hợp đồng DG.

Settlement Message Details

Contract Reference Number Component

Account Details | Message Details | Parties.. | Parties.. | Cover Parties | Other Details | Clearing Details | Local

IBAN / A/C Number

Component	CCY	Branch	Account	A/c CCY	Exchange Rate	Rat
COLLAMT_OS	VND	500	15005000000447040016	VND	D	
COLLAMT_OSEQ	VND	500	45005000000017048888	VND	C	
COLL_AMNDAMT	VND	500	15005000000447040016	VND	C	
COLL_AMNDAMTEQ	VND	500	45005000000017048888	VND	D	
COLL_AMT	VND	500	15005000000447040016	VND	C	
COLL_AMTEQ	VND	500	45005000000017048888	VND	D	

Settlement Direction

D - Debit

C - Credit

SV

Trong suốt vòng đời 1 bảo lãnh có thể có các sự kiện phát sinh:

- +) Phát hành bảo lãnh.
- +) Sửa đổi bảo lãnh
- +) Thực hiện bảo lãnh.
- +) Đóng/hủy bảo lãnh


Tương ứng với mỗi sự kiện sẽ có các cặp tài khoản để hạch toán như sau:

* **Account Details:** Màn hình này liệt kê các tài khoản của khách hàng được thanh toán như thế nào. Các tài khoản này được mặc định ở màn hình “Settlements”. **Người nhập cần kiểm tra để hệ thống phải lưu hạch toán như sau:**

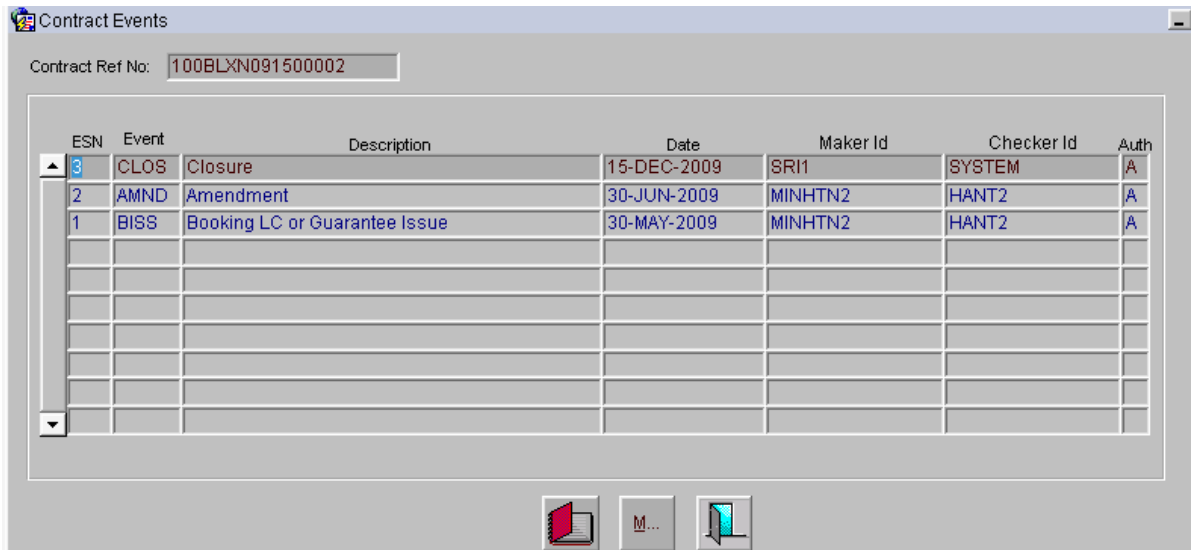
- **COLLAMT_OS** (Hạch toán đóng DG): chọn ghi Nợ (**D**) TK ký quỹ, (*)
- **COLLAMT_OSEQ** (Hạch toán đóng DG): chọn ghi Có (**C**) TK thanh toán, (*)
- **COLL_AMNDAMT** (Hạch toán điều chỉnh DG): chọn ghi Có (**C**) TK ký quỹ,
- **COLL_AMNDAMTEQ** (Hạch toán điều chỉnh DG): chọn ghi Nợ (**D**) TKTT,
- **COLL_AMT** (Hạch toán phát hành DG): chọn ghi Có (**C**) TK ký quỹ,

- **COLL_AMTEQ** (Hạch toán phát hành DG): chọn ghi Nợ (**D**) TKTT,
- **COLL_AVAILAMT** (Hạch toán thực hiện DG): chọn ghi Nợ (**D**) TK ký quỹ, (*)
- **COLL_AVAILAMTEQ** (Hạch toán thực hiện DG): chọn ghi Có (**C**) TK trung gian (459900003), (*)
- **Phí** (DG/ISS/CHG_LIQD (phí phát hành DG), DG/CAN/CHG_LIQD (phí hủy DG), DG/AMD/CHG_LIQD (phí sửa đổi DG),) và **VAT** (VATDG1_AMT (gắn với phí phát hành DG), VATDG2_AMT (gắn với phí hủy DG), VATDG3_AMT (gắn với phí sửa đổi DG)): chọn ghi Nợ (**D**) TKTT.


Lưu ý: Thông thường, sau khi đã đặt chỉ dẫn thanh toán như đã nói ở phần “1.Quản lý các chỉ dẫn thanh toán cho 1 khách hàng”, người nhập cần chỉnh sửa lại ở các phần đánh dấu (*).

Sau khi kiểm tra cách thức hạch toán, click vào biểu tượng  để lưu hạch toán này.

2.3.2. Chữ “V” - Events: Chi tiết về các sự kiện, chỉ xuất hiện sau khi việc nhập hợp đồng đã phê duyệt (Auth).



ESN	Event	Description	Date	Maker Id	Checker Id	Auth
3	CLOS	Closure	15-DEC-2009	SR11	SYSTEM	A
2	AMND	Amendment	30-JUN-2009	MINHTN2	HANT2	A
1	BISS	Booking LC or Guarantee Issue	30-MAY-2009	MINHTN2	HANT2	A

* Chọn vào từng sự kiện và chọn  để xem bút toán hạch toán:
 Phần Overrides hiển thị những thông tin hệ thống đã yêu cầu người phê duyệt phải xác nhận.

Accounting Entries

Trn Ref No: 100BLXN091500002 Trn Date: 30-MAY-2009 Event: BISS

Branch	Account No	Account Description	Ccy	Drct	Fcy Amount	Exch Rate	Lcy Amount	Tr
100	1100500000042840	CTY TNHH BAO TIN-TK BLTT MOI USD	USD	C	7,000.00	16847	117,929,000	
100	4100500000042704001	CONG TY TNHH BAO TIN - TGTT VND	VND	D			100,000	
100	4100500000042840001	CONG TY TNHH BAO TIN - TGTT USD	USD	D	7,000.00	16847	117,929,000	
100	712000011	THU PHI BAO LANH KHAC	VND	C			1,000,000	
100	928100001	CAM KET BAO LANH KHAC - NHOM 1	USD	C	7,000.00	16847	117,929,000	
100	928100000	CAM KET BAO LANH KHAC - NHOM 1	USD	D	7,000.00	16847	117,929,000	
100	453100000	THUE GIA TRI GIA TANG PHAI NOP	VND	C			100,000	
100	4100500000042704001	CONG TY TNHH BAO TIN - TGTT VND	VND	D			1,000,000	

See Position Entries

Overrides

Overrides	Auth By	Auth Dt Stamp
Issue Date 30-MAY-09 Is A Holiday		
No limit tracking done for the contract		
Iccf Defaults Changed		
Tax Defaults Changed		
Settlements Defaults Changed		
Signature Verification not done for 11005000000428400013		

* Chọn vào từng sự kiện và chọn  để xem các advice của LC

Messages For BISS

Reference No: 100BLXN091500002

Message Details

Date	Message Type	Receiver	Name	Message Status
30-MAY-2009	GUARANTEE	100000033	CONG TY CP HOANG GIA	Generated / Authorized
30-MAY-2009	CREDIT_ADVICE	500000042	CONG TY TNHH BAO TIN	Generated / Authorized
30-MAY-2009	VAT_ADV	100000033	TAI KHOAN VANG LAI CHI NHANH 1	Generated / Authorized
30-MAY-2009	DEBIT_ADVICE	500000042	CONG TY TNHH BAO TIN	Generated / Authorized
30-MAY-2009	DEBIT_ADVICE	500000042	CONG TY TNHH BAO TIN	Generated / Authorized
30-MAY-2009	DEBIT_ADVICE	500000042	CONG TY TNHH BAO TIN	Generated / Authorized

Trong màn hình này thể hiện chi tiết về: Ngày hạch toán, Loại thông báo được gửi đến cho Party nào. Chọn thông báo cần xem rồi chọn “View Message”, khi đó một cửa sổ sẽ hiện ra, bạn có thể in các thông báo này.

2.3.3. Chữ “M” - MIS: Hệ thống quản lý thông tin. Hiện tại LienVietBank chưa sử dụng.

2.3.4. Chữ “I” - ICCF: Qui định chi tiết về phần tính hoa hồng như thế nào. Hiện tại LienVietBank chưa sử dụng

2.3.5. Chữ “N” – Charge: Chi tiết về phí

Gắn với mỗi sự kiện (phát hành, sửa đổi hay hủy bảo lãnh) hệ thống sẽ đưa ra loại phí tương ứng. Khi phát hành DG sẽ có phí phát hành (**DG/ISS/CHG**) người nhập sẽ nhập số phí phải thu vào (**Phí nhập ở đây không bao gồm VAT**).

Contract Charge Details

Contract Reference No: 100BLHD090150002

Association

Creation ESN	Component	Component Description	Rule	Discount	Waiver	Accrual Required
3	DG/AMD/CHG	DOMESTIC GUARANTEE AMND CI	DG/AMD/CHG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	DG/AMD/CHG	DOMESTIC GUARANTEE AMND CI	DG/AMD/CHG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
1	DG/ISS/CHG	DOMESTIC GUARANTEE ISSUING	DG/ISS/CHG	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Application

Creation ESN	Component	Tax Ccy	Tax Amount	Charge Ccy	Charge Amount	Discount	Waiver	Liquidated
3	DG/AMD/CHG	VND	1000000000	VND	300000	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	DG/AMD/CHG	VND	1000000000	VND	300000	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
1	DG/ISS/CHG	VND	1000000000	VND	10000000	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Liquidation

ESN	Component	Charge Ccy	Charge Amount
2	DG/AMD/CHG	VND	300000
1	DG/ISS/CHG	VND	10000000

Màn hình này bao gồm 3 phần:

- **Association:** Chi tiết sự kiện để tính phí
- **Application:** Sự kiện và phí tương ứng
- **Liquidation:** Sự kiện và phí đã thu

Khi nhập, người nhập sẽ thấy đầy đủ các phí đã và đang thu ở cả 3 phần này, nhưng khi đã save, ở phần Association và Application, người xem chỉ thấy được phí thu gần nhất.

Màn hình này quy định các phí cần phải thu cho từng sự kiện, các phí này đã được định nghĩa ở cấp độ sản phẩm và bạn chỉ được phép chọn phí để thu. Nếu phí nào không thu thì bạn sẽ đánh dấu vào ô “Waiver”. Người nhập sẽ nhập số phí phải thu vào phần **Charge Amount**.

2.3.6. Chữ “T” - Tax: Chi tiết về thuế.

Tax Details Form

Contract Ref No: 110BLHD082690002

Tax Scheme: VATDG

Description: TAX SCHEME FOR DOMESTIC GUARANTEE

Rule Details

Rule	Basis Component	Event	Waive
VATDG1	DG/ISS/CHG_LIQD	BISS	<input type="checkbox"/>
VATDG2	DG/CAN/CHG_LIQD	CANC	<input type="checkbox"/>
VATDG3	DG/AMD/CHG_LIQD	AMND	<input type="checkbox"/>

Waive All

Amount Details

Value Date	Transaction Date	CCY	Amount	Event seq
25-SEP-2008	25-SEP-2008	VND	0	1

Màn hình này dùng để quy định thuế tính cho từng lại phí đã thu. Trong phần này, bạn chỉ cần xem qua mà không cần phải thao tác gì, vì hệ thống sẽ tự động tính thuế hoặc bỏ qua phần thuế tính cho loại phí không thu.


2.3.7. Chữ “C” – Collateral: Duy trì chi tiết ký quỹ


- **Collateral Currency:** Loại tiền ký quỹ.
- **Percent:** Phần trăm ký quỹ (Giá trị này chỉ có thể nhập ngay ban đầu, nếu sau này có sự thay đổi nào liên quan đến giá trị ký quỹ, giá trị hợp đồng thì giá trị tại trường này cũng không thay đổi).
- **Exchange Rate:** Tỷ giá, nếu loại tiền ký quỹ khác với loại tiền của DG
- **Amount:** Trị giá ký quỹ (nếu nhập phần trăm ở trên, hệ thống sẽ tự tính ra)
- **Adjustment:** Increase/Decrease: Những điều chỉnh tăng, giảm mà bạn đã thực hiện đối với ký quỹ khi bạn sửa trị giá DG sau khi DG đã được phát hành.
- **Description:** Mô tả thêm về ký quỹ để tiện theo dõi.


2.3.8. Chữ “B” - Linkages: (hiện tại không sử dụng)

Kết nối với 1 tài khoản: Tổng trị giá DG hoặc một phần trị giá DG có thể được kết nối với một tài khoản. Số dư hiện tại của tài khoản lúc nào cũng phải lớn hơn hoặc bằng trị giá LC. Bạn có thể kết nối nhiều LC với một khoản tiền gửi, miễn là khoản tiền gửi đó có đủ số dư.

2.4. Lưu và phê duyệt hợp đồng bảo lãnh.


- Bạn chỉ có thể save một contract sau khi đã nhập dữ liệu vào tất cả các trường bắt buộc; bằng cách click  trên thanh công cụ hoặc chọn Save từ Actions menu.
- **Lưu ý:** Trong trường hợp **Bảo lãnh vay vốn (BLVV)**, người nhập sẽ chọn thêm trong phần

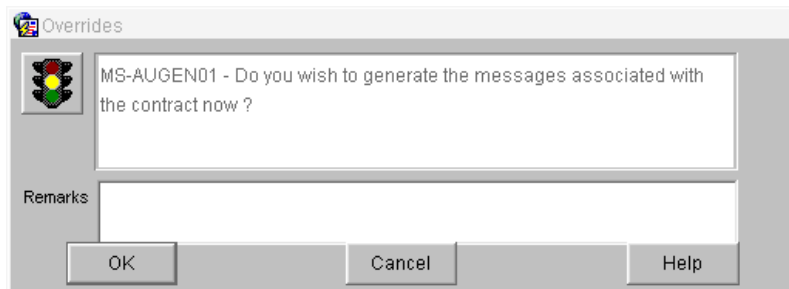
“Fields”  để phục vụ báo cáo trước khi Save.

- Một hợp đồng mà bạn đã nhập phải được duyệt bởi một user có Login ID khác, trước khi chạy cuối ngày. Bạn có thể sửa tất cả các dữ liệu chưa duyệt của một LC. Tuy nhiên, sau khi duyệt, một số trường không được phép sửa.
- Sau khi click vào , màn hình phê duyệt sẽ xuất hiện:

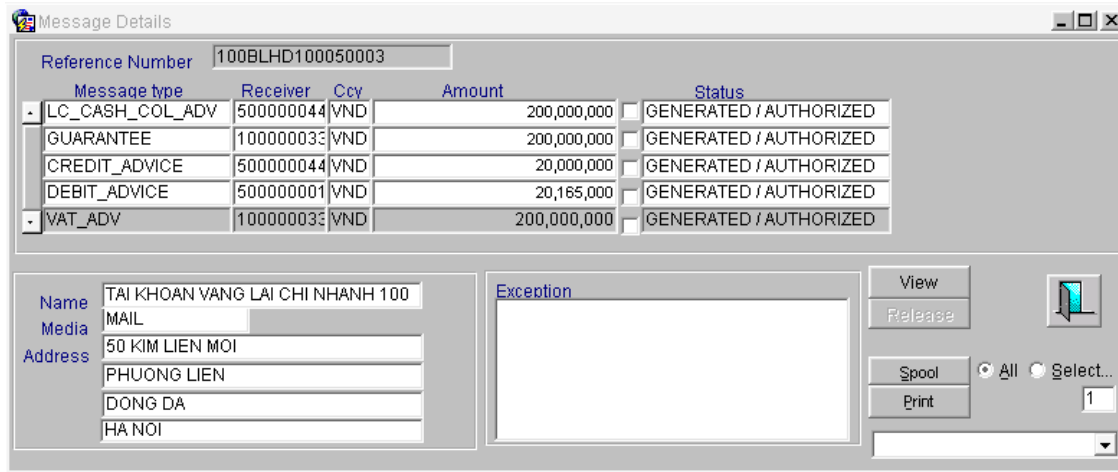
Người phê duyệt **phải nhập giá trị hợp đồng bảo lãnh** vào trường **Amount** ở phần **Rekey Fields** để xác nhận và tick hết các yêu cầu cần confirm trong phần Overrides.

- Ngoài ra, nếu khách hàng đã được tạo Line cho DG này, người duyệt có thể click vào phần **Limits** để xem các thông tin liên quan đến Limits của khách hàng này như Overall Limit, giá trị của Line, giá trị đã sử dụng của Line, giá trị còn lại của Line...

- Ngoài ra khi Auth, người phê duyệt sẽ kiểm luôn việc **kích hoạt các Advice**. Sau khi click vào , hệ thống sẽ đưa ra thông báo:




Người duyệt click vào **“OK”**, hệ thống sẽ xuất hiện màn hình Message.

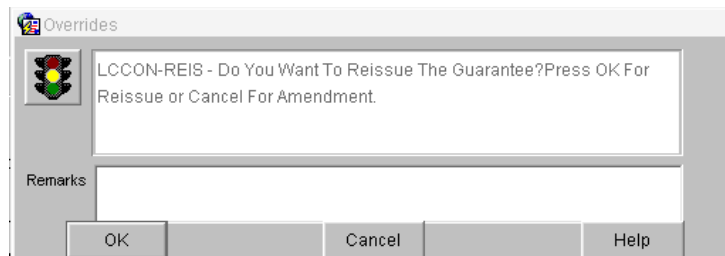


Người phê duyệt có thể xem (click vào **View**) các advice luôn từ đây. Nếu ấn **Print** hệ thống sẽ hiển thị tất cả advice ra ở trình duyệt web, thực hiện in như thông thường.

3. SỬA BẢO LÃNH (AMENDMENT)

- Đường dẫn: *Application Browser->Letter of credit->Contract->Detailed*

- Một sự kiện sửa DG chính là những thay đổi về các điều khoản của DG sau khi DG đó đã được duyệt như: sửa số tiền bảo lãnh, số ngày bảo lãnh, số tiền ký quỹ... Bạn có thể sửa DG bất cứ lúc nào sau khi DG đã được duyệt và trước ngày hết hạn DG đó.
- Việc chỉnh sửa được thực hiện bằng cách tìm đến hợp đồng đó, sử dụng Unlock  rồi sửa những nội dung cần thiết. Lưu ý, trong trường hợp đây là lần sửa đầu tiên của DG này, người sử dụng ***phải ấn Cancel*** khi hệ thống xuất hiện thông báo: **“LCCON-REIS – Ấn OK để phát hành lại hoặc Cancel để sửa đổi”**



- Muốn chỉnh sửa điều khoản nào, người sử dụng ***nhập giá trị mới trực tiếp lên trường***

đó. Ví dụ như: thay đổi giá trị bảo lãnh từ 200 triệu lên 250 triệu, thì ở trường Amount, xóa giá trị 200,000,000 rồi điền giá trị 250,000,000 thay vào.

- **Riêng đối với sửa số tiền ký quỹ.** Có thể điều chỉnh tăng hoặc giảm số tiền ký quỹ.


Ấn vào Increase nếu tăng, Decrease nếu giảm, và nhập số tiền chênh lệch tăng hoặc giảm vào trường Amount. Như ví dụ trên là sẽ giảm số tiền ký quỹ đi 8.125.000 VND, như vậy sau đó số tiền ký quỹ sẽ chỉ còn: $13.000.000 - 8.125.000 = 4.875.000$ VND.

- Lưu ý:

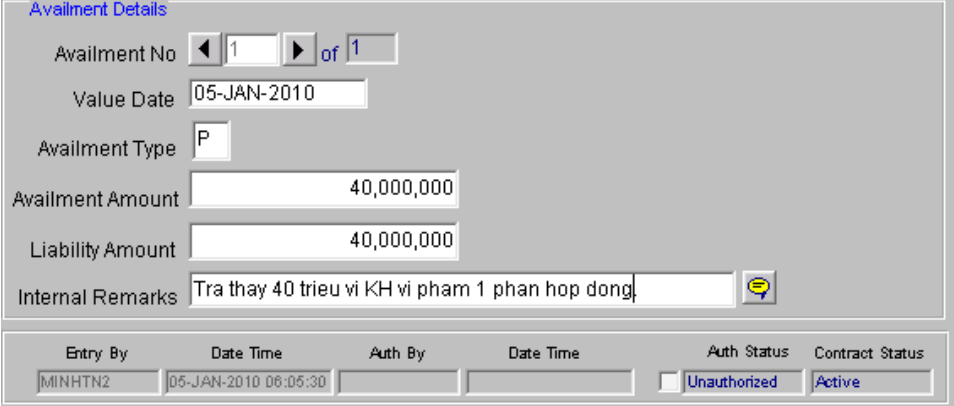
- Khi điều chỉnh DG, hệ thống sẽ sinh ra phí chỉnh sửa bảo lãnh (**DG/AMD/CHG**), người nhập cần sửa lại số tiền phí phải thu cho phù hợp. Đồng thời, phải qua các màn hình khác để kiểm tra, nhất là phần “S”, đảm bảo như ở phần 2.3.1 đã nói.
- Khi **thay đổi số tiền bảo lãnh**, nếu phần ký quỹ chọn theo Percent, hệ thống sẽ tự tính thay đổi số tiền ký quỹ, do đó, **cán bộ QLTD phải kiểm tra cả phần ký quỹ.**

4. THỰC HIỆN BẢO LÃNH (AVAILMENT)

- Đường dẫn: *Application Browser->Letter of credit->Contract->Availment.*

Tìm đến hợp đồng bảo lãnh phải trả thay. Phần nội dung phía trên sẽ thể hiện những nội dung cơ bản của hợp đồng bảo lãnh đó. Để thực hiện trả thay, chọn New .

* **Availment Details:** Người nhập sẽ nhập chi tiết phần trả thay.



Entry By	Date Time	Auth By	Date Time	Auth Status	Contract Status
MINHTN2	05-JAN-2010 06:05:30			<input type="checkbox"/> Unauthorized	Active

- **Availment No:** Thể hiện số lần điều chỉnh.
- **Value Date:** Ngày hiệu lực hệ thống tự mặc định là ngày hiện tại, người nhập có thể thay đổi.
- **Availment Type:** Hệ thống mặc định mà P – Payment.
- **Availment Amount:** Số tiền phải trả thay.
- **Liability Amount:** Số tiền chịu trách nhiệm xử lý. Hệ thống mặc định = Availment Amount.
- **Internal Remarks:** Ghi chú nội bộ.

Người nhập cần phải vào các phần ở trong các biểu tượng chữ phía bên phải màn hình mà chủ yếu là “S” – hạch toán và “C” – ký quỹ:

* **Chữ “C”:** Phần Ký quỹ, hệ thống sẽ sử dụng phần giảm ký quỹ mà người sử dụng nhập trong trường Amount để thực hiện bảo lãnh. (Thông thường, người sử dụng sẽ nhập giá trị giảm ký quỹ = toàn bộ số tiền ký quỹ hiện có)

* **Chữ “S”:** Hạch toán. Kiểm tra lại để đảm bảo cập bút toán:

- **COLL_AVAILAMT** (Hạch toán thực hiện DG): chọn ghi Nợ (D) TK ký quỹ,
- **COLL_AVAILAMTEQ** (Hạch toán thực hiện DG): chọn ghi Có (C) TK trung gian (459900003),

* Riêng đối với “N” (Phí) và “T” (Thuế), hệ thống sẽ không đưa ra phí và thuế liên quan đến việc thực hiện bảo lãnh, do hiện tại Ngân hàng cũng không duy trì loại phí đó.

* Với “A” (Advice) và “I” (ICCF): không duy trì.

Sau khi sửa xong, người nhập Save lại.

Lưu ý: Người phê duyệt, khi Auth sẽ nhập giá trị **phần trả thay** vào trường **Amount**. Ví dụ, DG có giá trị 100 triệu, nhưng chỉ thực hiện 1 phần bảo lãnh là 50 triệu, thì chỉ nhập 50 triệu vào trường Amount.

The screenshot shows the 'LC AVAILMENT' window with the following details:

- Contract Ref No: 100BLHD100050003
- User Ref No: 1108HNBL
- Latest Event: AVAL (Availment)
- Issued on: 05-JAN-2010
- Counterparty: 500000044
- Original Amount: 100,000,000
- Availment No: 1 of 1
- Value Date: 05-JAN-2010
- Availment Type: P
- Availment Amount: 50,000,000
- Liability Amount: 50,000,000
- Internal Remarks: Thuc hien 1 phan bao lanh de lam
- Entry By: MINHNT2, Date Time: 05-JAN-2010 07:08:26


The 'Contract Authorisation' window shows:

- Contract Ref No: 100BLHD100050003
- Event: AVAL, Event Date: 05-JAN-2010 07:08:26, Input By: MINHNT2
- Rekey Fields: VND, Amount: 50,000,000, Value Date: 05-JAN-2010, Expiry Date: 04-FEB-2010
- Customer: 500000044
- Table with columns: Field Description, New Value, Old Value
- Overrides section
- Buttons: Limits, [Green Checkmark], [Red X]


- Sau khi thực hiện xong ở phần Availment, cần lưu ý 2 vấn đề sau:

- Nếu đã thực hiện toàn bộ giá trị hợp đồng đó thì cán bộ QLTD phải đóng bảo lãnh đó luôn (Phần 6. Đóng bảo lãnh)
- Trong trường hợp **KH phải nhận nợ bắt buộc**, Cán bộ QLTD tiến hành **nhập khoản vay** của khách hàng đó trên phân hệ Retail Lending (**Nhận nợ bắt buộc số tiền còn thiếu, giải ngân vào TK 459900003**), sau đó **chuyển nhóm nợ (phần Manual Status Change)** của khách hàng đó lên **Nhóm 3** theo quy định hiện hành.

5. HỦY BẢO LÃNH (CANCEL):

Người sử dụng Click nút  (Close), hệ thống xuất hiện màn hình thông báo thì chọn OK để thực hiện hủy (Cancel) bảo lãnh. Hệ thống sẽ sinh ra phí hủy bảo lãnh (DG/CAN/CHG), người nhập cần sửa lại số tiền phí phải thu cho phù hợp. Đồng thời kiểm tra lại phần “S”- Settlement.

6. ĐÓNG BẢO LÃNH (CLOSE):

Vẫn click vào nút  (Close), nhưng sẽ không chọn OK mà **phải chọn Cancel**, sau đó **chọn OK** ở màn hình thông báo thứ 2. Việc đóng này hệ thống sẽ không tính phí.